TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2021
"V/v Ly hôn, người trực tiếp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thế Nam

2/ Bà Lương Thị Như Nga

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 616/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, về việc "Ly hôn, người trực tiếp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** **Chị Trương Thị Thùy T**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Tổ 1C, khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn***: **Anh Nguyễn Ngọc T,** sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ 13, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thùy T trình bày:**

Chị và anh T qua tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là phường B, thành phố L), tỉnh Đồng Nai vào năm 2017. Trước đó chị và anh T chưa ai kết hôn lần nào. Cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không hợp nhau; anh T không quan tâm, chăm

sóc gì đến vợ con. Từ năm 2019 đến nay chị và anh T không còn chung sống với nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn được và không thể nào tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh T

Về con chung: Chị và anh T có hai người con là Nguyễn Ngọc Kim N1, sinh ngày 06/01/2017 và Nguyễn Ngọc Kim N2, sinh ngày 05/8/2018. Từ khi anh chị không còn chung sống với nhau đến nay cháu Nguyễn Ngọc Kim N2 sinh sống với chị còn cháu Nguyễn Ngọc Kim N1 sinh sống với anh T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Kim N2, tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về tài liêu chứng cứ chị T đã giao nộp: Giấy chứng minh nhân dân, số hộ khẩu của chị T (bản sao); giấy khai sinh của 02 con (bản sao); bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản chính đơn xin xác nhận tại Công an phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh và bản tự khai.

*** Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:**

Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống và mâu thuẫn gia đình. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh T và chị T có hai con chung như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Kim N1 và giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N2 cho chị T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh T chỉ lên Tòa án làm việc một lần, những lần triệu tập sau anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ.

Về tài liệu chứng cứ anh T đã giao nộp: Bản tự khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thùy T. Cho chị Trương Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N2 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N1 cho anh T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trương Thị Thùy T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T và yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là "Ly hôn, người trực tiếp nuôi con " quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền: Chị Trương Thị Thùy T khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T, anh T có nơi cư trú tại tổ 13, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Trương Thị Thùy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận; bị đơn anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại Uỷ ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là phường B, thành phố L), tỉnh Đồng Nai nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ nhiều lý do khác nhau. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn được và không thể nào tiếp tục chung sống được nữa. Từ năm 2019 đến nay nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống và không còn qua lại gì với nhau. Lời khai của người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án cũng xác nhận nguyên đơn và bị đơn có nhiều mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau hơn 02 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đồng thời anh T cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Chị T, anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim N1, sinh ngày 06/01/2017 và cháu Nguyễn Ngọc Kim N2, sinh ngày 05/8/2018. Quá trình làm việc chị T, anh T thống nhất giao cháu N2 cho chị T

trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay anh T đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Kim N1, chị T đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Kim N2. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các cháu, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu nên tạm thời nguyên đơn và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh T khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Thùy T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 235, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thùy T, về việc "Ly hôn, người trực tiếp nuôi con" với anh Nguyễn Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N1, sinh ngày 06/01/2017 cho anh Nguyễn Ngọc T tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N2, sinh ngày 05/8/2018 cho chị Trương Thị Thùy T tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị T và anh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Thùy T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại

biên lai thu tiền số 0008069 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TPLK;
- THADS TPLK;
- UBND P. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Lê Thị Hoa